

Số: 914/QĐ-SGDĐT

Nam Định, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điểm sàn, điểm chuẩn chính thức đợt 1 và chỉ tiêu xét tuyển đợt 2 tuyển sinh vào lớp 10 THPT không chuyên tỉnh Nam Định năm học 2023-2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 9/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định (GDĐT);

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 1013/SGDĐT-GDTrH ngày 19/6/2023 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn duyệt trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2023-2024 và kết quả sơ duyệt của các đơn vị;

Căn cứ kết quả duyệt tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024 đợt 1 của Hội đồng tuyển sinh Sở GDĐT (theo Quyết định số 378/QĐ-SGDĐT ngày 11/4/2023 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024 của Sở GDĐT);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điểm sàn, điểm chuẩn tuyển sinh đợt 1 và chỉ tiêu xét tuyển đợt 2 tuyển sinh vào lớp 10 THPT không chuyên tỉnh Nam Định năm học 2023-2024 có danh sách kèm theo.

Điều 2. Các trường THPT trong tỉnh thông báo công khai điểm chuẩn đợt 1 và chỉ tiêu xét tuyển đợt 2 vào lớp 10 THPT năm học 2023-2024 theo đúng quy định.

Điều 3. Trưởng phòng GDTrH, Hiệu trưởng các trường THPT và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, GDTrH.

GIÁM ĐỐC

Cao Xuân Hùng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH

ĐIỂM SÀN, ĐIỂM CHUẨN ĐỢT 1 VÀ CHỈ TIÊU XÉT DUYỆT ĐỢT 2
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT KHÔNG CHUYÊN NĂM HỌC 2023-2024

TT	Trường THPT	Chỉ tiêu theo kế hoạch	Tuyển thẳng	Chỉ tiêu còn lại	Điểm chuẩn đợt 1	Số HS đỗ đợt 1 (theo kết quả thi tuyển)	Chỉ tiêu xét tuyển đợt 2	Ghi chú
I	Khối công lập: Điểm sàn các trường các trường THPT công lập là 25,00							
1	Giao Thủy	520		520	36,50	521	0	
2	Giao Thủy B	540	5	535	33,90	538	0	
3	Giao Thủy C	450	2	448	30,70	448	0	
4	Quất Lâm	360		360	27,30	361	0	
5	Xuân Trường	540	2	538	29,10	540	0	
6	Xuân Trường B	540	2	538	32,00	538	0	
7	Xuân Trường C	315		315	30,60	315	0	
8	Nguyễn Trường Thúc	320		320	31,00	321	0	
9	A Hải Hậu	480		480	38,40	482	0	
10	Vũ Văn Hiếu	320		320	32,90	320	0	
11	B Hải Hậu	450		450	31,60	450	0	
12	C Hải Hậu	450	1	449	25,00	447	2	
13	Thịnh Long	315		315	27,00	316	0	
14	Trần Quốc Tuấn	320	1	319	32,40	319	0	
15	An Phúc	315	1	314	27,00	315	0	
16	Trực Ninh	540	1	539	29,60	540	0	
17	Trực Ninh B	450	1	449	30,00	450	0	
18	Nguyễn Trãi	360		360	25,00	305	55	
19	Lê Quý Đôn	405		405	34,50	405	0	
20	Lý Tự Trọng	440		440	33,50	441	0	
21	Nam Trực	495		495	32,60	496	0	
22	Nguyễn Du	405		405	25,00	357	48	
23	Trần Văn Bảo	315	1	314	28,70	315	0	
24	A Nghĩa Hưng	480		480	31,80	481	0	
25	Nghĩa Minh	270		270	25,00	264	6	
26	B Nghĩa Hưng	400		400	27,50	400	0	
27	C Nghĩa Hưng	400		400	28,40	403	0	
28	Trần Nhân Tông	270		270	25,00	248	22	

29	Trần Hưng Đạo	480		480	38,10	482	0	
30	Nguyễn Khuyến	480	4	476	38,80	478	0	
31	Ngô Quyền	450		450	31,10	451	0	
32	Nguyễn Huệ	405		405	34,40	406	0	
33	Hoàng Văn Thụ	400		400	32,60	401	0	
34	Lương Thế Vinh	320		320	28,80	321	0	
35	Nguyễn Bính	280		280	31,20	280	0	
36	Nguyễn Đức Thuận	280		280	31,40	281	0	
37	Tổng Văn Trân	440		440	35,60	443	0	
38	Phạm Văn Nghị	450		450	29,50	450	0	
39	Đại An	315	2	313	28,90	317	0	
40	Mỹ Tho	495	3	492	30,30	492	0	
41	Lý Nhân Tông	315	1	314	25,00	307	7	
42	Đỗ Huy Liêu	270		270	25,00	267	3	
43	Mỹ Lộc	400	2	398	31,00	400	0	
44	Trần Văn Lan	360		360	31,00	361	0	
Tổng đại trà		17605	29	17576		17473	143	
II	Khối Ngoài công lập: Điểm sàn, điểm chuẩn, phương thức tuyển sinh thực hiện theo Đề án tuyển sinh của các trường đã được Sở GDĐT phê duyệt.							
1	Thiên Trường	360			19,40	252	108	
2	Cao Phong	180					180	
3	Tô Hiến Thành	315					315	
4	Đoàn Kết	180					180	
5	Phan Bội Châu	180					180	
6	Quang Trung	315			15,00	305	10	
7	Nghĩa Hưng	135					135	
8	Nguyễn Công Trứ	405					405	
9	Trần Quang Khải	270					270	
10	Trần Nhật Duật	225					225	
11	Hùng Vương	45					45	
12	Ý Yên	225					225	
	Tổng	2835				557	2278	